TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 01/2019/KDTM-ST
Ngày: 17/6/2019
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các hội thẩm nhân dân: Bà Dư Mỹ Linh.
Ông Phan Ngọc Lợi.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2019/TLST-KDTM ngày 05/03/2019, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST- KDTM, ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa :

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V (Ngân hàng A)
Địa chỉ: Số 18, Trần Hữu Dục, khu đô thị M, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Ông Dương Trần Nhật L – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh huyện G .

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Trịnh Hoàng G, sinh năm: 1978 - Chức vụ: Trưởng Phòng kế hoạch kinh doanh Chi nhánh huyện G (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn G, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (Công ty TNHH V)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Vũ H, sinh năm: 1959. Chức vụ: Giám đốc (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Mỹ C, sinh năm: 1971 (Vắng mặt).

Đia chỉ: D3-34 Đống Đa, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V (Ngân hang Agribank), ông Trịnh Hoàng G trình bày: Vào ngày 08/5/2017 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V(Chi nhánh huyện G) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn V có ký kết hợp đồng tín dụng số 7705LAV201701341 với số tiền vay gốc là 2.600.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 9%/năm, hạn trả nợ vào ngày 02/5/2018, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn, mục đích vay xây dựng công trình dân dụng. Để đảm bảo cho khoản vay trên phía Công ty Trách nhiệm hữu hạn V đã thế chấp tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số LCL201501463 gồm: Quyền sở hữu nhà ở diện tích sử dụng 189,91 m^2, diện tích xây dựng 91 m^2, loại nhà cấp 2 và quyền sử dụng đất ở diện tích 159 m^2, tọa lạc tại D3 Lô 34, đường Đống Đa, phường V, thành phố R do bà Trương Thị Mỹ Châu đứng tên và hợp đồng thế chấp số LCL 201501931 gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 538 diện tích 3.145 m^2, loại hai lúa; Thửa số 551 diện tích 6.768 m^2, loại hai lúa; Thửa số 541 diện tích 7.155 m^2 loại thổ cư vườn; Thửa số 552 diện tích 6.140 m^2 loại thổ cư vườn; Cùng thuộc tờ bản đồ số 4, tổng diện tích chung là 17.208 m^2; Tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện Giồng Riềng do ông Trần Vũ H đứng tên nhận thừa kế. Nhưng phía Công ty TNHH V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ lãi đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng. Kể từ ngày 19/01/2018, Công ty TNHH V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và đến ngày 02/5/2018 đến hạn trả khoản nợ gốc nhưng phía Công ty TNHH V tiếp tục vi phạm. Nên đến ngày 03/5/2018 toàn bộ khoản nợ gốc của Công ty TNHH V đã chuyển sang nợ quá hạn. Phía Ngân hàng A đã nhiều lần yêu cầu Công Ty TNHH V trả nợ nhưng ông Trần Vũ H – người đại diện theo pháp luật của Công ty cứ hẹn lần. Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH V thanh toán số tiền gốc là 2.600.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 17/6/2019 là 468.325.000 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng A còn yêu cầu phía Công ty TNHH V phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên. Trường hợp Công ty TNHH V không trả được nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản mà phía Công ty V đã thế chấp.

Tại phiên Tòa, bị đơn Công ty trách nhiệm Hữu hạn V, người đại diện theo pháp luật ông Trần Vũ H trình bày: Phía Công ty TNHH V thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng số 7705LAV201701341 ngày 08/5/2017 với số nợ gốc là 2.600.000.000 đồng và xác định đến thời điểm hiện nay chưa thanh toán cho phía Ngân hàng A khoản tiền gốc và lãi. Ông H thừa nhận Công ty TNHH V có thế chấp cho Ngân hàng A các tài sản để bảo đảm khoản nợ vay gồm: Quyền sở hữu nhà ở diện tích sử dụng 189,91 m^2, diện tích xây dựng 91 m^2, loại nhà cấp 2 và quyền sử dụng đất ở diện tích 159 m^2, tọa lạc tại D3 Lô 34, đường Đống Đa, phường V, thành phố R do bà Trương Thị Mỹ C đứng tên và quyền sử dụng đất thửa số 538 diện tích 3.145 m^2, loại hai lúa; Thửa số 551 diện tích 6.768 m^2, loại hai lúa; Thửa số 541 diện tích 7.155 m^2 loại thổ cư vườn; Thửa số 552

diện tích 6.140 m^2 loại thổ cư vườn; Cùng thuộc tờ bản đồ số 4, tổng diện tích chung là 17.208 m^2; Tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện Giồng Riềng do ông H đứng tên nhận thừa kế. Do làm ăn thua lỗ, mất khả năng thanh toán nên đến nay, đã quá thời hạn trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH V thanh toán số tiền gốc là 2.600.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 17/6/2019 là 468.325.000 đồng và khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính từ ngày 18/6/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên, yêu cầu trên của Ngân hàng Công ty TNHH V thừa nhận và đồng ý trả nhưng xin được gia hạn thời gian trả, cụ thể khi nào thu hồi vốn từ công trình xây dựng thì Công ty TNHH V sẽ thanh toán nợ cho Ngân hàng A. Trường hợp Công ty TNHH V không trả được nợ, thì Công ty TNHH V đồng ý phát mãi tài sản mà ông Trần Vũ H và bà Trương Thị Mỹ C đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LCL 201501931 và LCL 201501463 để thu hồi khoản nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn V yêu cầu thanh toán khoản nợ vay gồm gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 – Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự và Công ty trách nhiệm hữu hạn V có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại điểm b – Khoản 1- Điều 35; điểm a - Khoản 1 - Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Bà Trương Thị Mỹ C với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện.Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa thông qua ông Trần Vũ H là người đại diện theo pháp luật của công ty và cũng là chồng của bà C nhưng bà C vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt bà C là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 227; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án : Ngày 08/5/2017, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn V có ký kết hợp đồng tín dụng số 7705LAV201701341, phía Ngân hàng đã cho Công ty TNHH Việt Hùng vay số tiền gốc là 2.600.000.000 đồng, thời hạn trả nợ gốc là vào ngày 02/5/2018, kỳ hạn trả nợ lãi 03 tháng, lãi suất thỏa thuận 9% /năm (theo thỏa thuận một tháng 30 ngày, năm 360 ngày), lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay xây dựng công trình dân dụng. Để đảm bảo cho khoản nợ vay trên của Công ty TNHH V, ông Trần Vũ H và bà Trương Thị Mỹ C đã thế chấp quyền sở hữu nhà ở diện tích sử dụng 189,91 $m^{2,}$ diện tích xây dựng 91 m^2, loại nhà cấp 2 và quyền sử dụng đất ở diện tích 159 m^2, tọa lạc tại D3 Lô 34, đường Đống Đa, phường V, thành phố R do bà Trương Thị Mỹ C đứng tên theo hợp đồng thế chấp số LCL 201501463 và quyền sử dụng đất thửa số 538 diện tích 3.145 m^2, loại hai

lúa; Thửa số 551 diện tích 6.768 m^2, loại hai lúa; Thửa số 541 diện tích 7.155 m^2 loại thổ cư vườn; Thửa số 552, diện tích 6.140 m^2 loại thổ cư vườn; Cùng thuộc tờ bản đồ số 4, tổng diện tích chung là 17.208 m^2; Tọa lạc tại ấp H, xã , huyện Giồng Riềng (Nay là ấp H, xã N, huyện Giồng Riềng) do ông Trần Vũ H đứng tên nhận thừa kế theo hợp đồng thế chấp số LCL 201501931. Đối với khoản vay trên được ông Trần Vũ H – Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Việt Hùng thừa nhận tại bản khai, thống nhất khoản nợ vay gốc, lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cũng như các hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký để bảo đảm cho khoản nợ vay. Tuy nhiên, giữa các bên không thỏa thuận với nhau về thời gian và phương thức thanh toán nợ.

Xét hợp đồng tín dụng trên đã được các bên ký kết đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật là hợp đồng vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp nên hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V với Công ty Trách nhiệm hữu hạn V được xem là hợp pháp. Đối với khoản nợ vay gốc và lãi phát sinh đã được các bên xác định và thừa nhận với nhau trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay. Căn cứ vào Điều 463; Điều 465; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định về vay tài sản, nghĩa vụ của bên vay, nghĩa vụ trả nợ của bên vay; Khoản 02 - Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn V thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V khoản nợ gốc là 2.600.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 7705LAV201701341 tính từ ngày 19/01/2018 đến ngày 17/6/2019 là 468.325.000 đồng, trong đó khoản nợ lãi trong hạn là 334.750.000 đồng, khoản nợ lãi quá hạn là 133.575.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty TNHH V còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 7705LAV201701341 đã được các bên ký kết tính từ ngày 18/6/2019 cho đến khi trả xong nợ theo thông báo của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V chịu trách nhiệm giao trả lại ông Trần Vũ H và bà Trương Thị Mỹ C các giấy tờ liên quan đến các tài sản mà ông H – bà C đã thế chấp để bảo đảm khoản nợ vay trên, sau khi Công ty TNHH V tất toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng A.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, sau khi án có hiệu lực pháp luật, căn cứ vào quy định tại Khoản 1 - Điều 351; Điều 299; Khoản 7 - Điều 323 của Bộ luật Dân sự thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận. Trường hợp Công ty TNHH V không trả nợ sau khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng phát mãi tài sản mà ông H – bà C đã thế chấp để thu hồi nợ. Cụ thể như sau: Quyền sở hữu nhà ở diện tích sử dụng 189,91 m^2, diện tích xây dựng 91 m^2, loại nhà cấp 2 và quyền sử dụng đất ở diện tích 159 m^2, tọa lạc tại D3 Lô 34, đường Đống Đa, phường V, thành phố R do bà Trương Thị Mỹ C đứng tên theo hợp đồng thế chấp số LCL 201501463 và quyền sử dụng đất

thửa số 538 diện tích 3.145 m^2, loại hai lúa; Thửa số 551 diện tích 6.768 m^2, loại hai lúa; Thửa số 541 diện tích 7.155 m^2 loại thổ cư vườn; Thửa số 552 diện tích 6.140 m^2 loại thổ cư vườn; Cùng thuộc tờ bản đồ số 4, tổng diện tích chung là 17.208 m^2; Cùng tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện Giồng Riềng do ông Trần Vũ H đứng tên nhận thừa kế theo hợp đồng thế chấp số LCL 201501931.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 – Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 02 - Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điểm đ – tiểu mục 1.3, mục 1, phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14; Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch được tính như sau: 3.068.325.000 đồng = 72.000.000 đồng + 2% x 1.068.325.000 đồng = 93.366.500 đồng

Do yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V được chấp nhận nên buộc Công ty TNHH V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 93.366.500 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 45.191.000 đồng theo biên lai thu tiền số 07520 ngày 05/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 – Điều 30; điểm b - Khoản 1 - Điều 35; điểm a - Khoản 1 - Điều 39; khoản 1 - Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 - Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Khoản 4 – Điều 11; Điều 299; Điều 322; Khoản 7 - Điều 323; Điều 351 Điều 463; Điều 465, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 - Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn V.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn V trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền nợ gốc là 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) và nợ lãi phát sinh tính đến ngày 17/6/2019 là 468.325.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Công ty Trách nhiệm hữu hạn V còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận tại đồng tín dụng số 7705LAV201701341 tính từ ngày 18/6/2019 cho đến khi trả xong nợ.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V chịu trách nhiệm giao trả cho ông Trần Vũ H và bà Trương Thị Mỹ C toàn bộ giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất

và quyền sở hữu nhà ở mà ông H – bà C đã thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm khoản nợ vay sau khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn V trả xong khoản nợ trên.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, Công ty Trách nhiệm hữu hạn V không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng phát mãi tài sản thế chấp mà ông H – bà C đã thế chấp để bảo đảm khoản nợ vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng gồm:

+ Quyền sở hữu nhà ở diện tích sử dụng 189,91 m^2, diện tích xây dựng 91 m^2, loại nhà cấp 2 và quyền sử dụng đất ở diện tích 159 m^2, tọa lạc tại D3 Lô 34, đường Đống Đa, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá do bà Trương Thị Mỹ C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số LCL 201501463.

+ Quyền sử dụng đất thửa số 538 diện tích 3.145 m^2, loại hai lúa; Thửa số 551 diện tích 6.768 m^2, loại hai lúa; Thửa số 541 diện tích 7.155 m^2 loại thổ cư vườn; Thửa số 552, diện tích 6.140 m^2 loại thổ cư vườn; Cùng thuộc tờ bản đồ số 4, tổng diện tích chung là 17.208 m^2; Tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện Giồng Riềng do ông Trần Vũ H đứng tên nhận thừa kế theo hợp đồng thế chấp số LCL201501931.

Về án phí: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn V nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 93.366.500 đồng (Chín mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 45.191.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, một trăm chín mươi mốt nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 07520 ngày 05 tháng 03 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày; Đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 17/6/2019); Đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ